

## KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

### QUYỂN 8

#### ***Phẩm 17: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ***

#### **Phần 2**

Thế nào là Bồ-tát đối với kẻ hủy hoại pháp Phật dứt trừ sự bạo hại của họ? Người ở giữa khiến họ vào pháp Phật, người đã vào khiến thành thực, người đã thành thực khiến được giải thoát.

Bồ-tát này đối với bốn thứ chúng sinh thành tựu đó nên biết lược nói có sáu phương tiện thiện xảo: Một là tùy thuận. Hai là xác lập đi cần thiết. Ba là dị tướng. Bốn là bức bách. Năm là báo ân. Sáu là thanh tịnh. Bồ-tát tùy thuận nơi phương tiện thiện xảo, nghĩa là Bồ-tát này muốn vì chúng sinh thuyết pháp, thì trước tiên các hành của thân, khẩu phải dịu dàng uyển chuyển, để thiết lập, họ sẽ tùy thuận tự nhiên xả bỏ sân hận, trừ sân hận rồi, kẻ kia sinh ái kính ưa muốn nghe pháp, sau đó mới vì họ theo chỗ thích hợp thuyết pháp, dễ nhập dễ hiểu, khi giảng nói có thứ tự, rõ thật không đảo lộn, dùng nghĩa tạo lợi ích mà vì họ nói pháp; nhẫn chịu các vấn đáp để điều phục chúng sinh, với sự thương xót làm lợi ích thành tựu là trên hết. Hoặc dùng thần lực thị hiện biết tâm họ mà vì thuyết pháp. Hoặc thỉnh người khác, khiến hiện hóa đủ các thứ điều phục chúng sinh. Hoặc có nghĩa lược nói, luận về lợi ích thì phân biệt diễn rộng ra. Hoặc luận quá rộng, thì cũng có thể vì họ lược nói, dạy trao, khiến họ tụng rồi tùy ý vấn nạn. Họ đã thọ tụng, thì vì họ nói rộng về nghĩa, dùng tất cả duyên nơi Tam-muội, môn độ tùy thuận truyền dạy, tùy theo sự khuyên bảo để thấu giữ chúng sinh, khiến kẻ kia hành đúng nghĩa. Các chúng sinh ấy đối với các kinh tương ứng với “không”, hết sức sâu xa, vi diệu, mà Đức Như Lai đã giảng nói thì làm cho họ nhận biết về diệu chỉ. Trong kinh kia nói: Là pháp tự tánh và xa là

các việc, không khởi không diệt, như hư không, như huyễn, như mộng. Người không hiểu nghĩa nghe thì sợ hãi, chê bai kinh sâu xa kia cho là không phải Phật giảng nói. Bồ-tát vì chúng sinh ấy nên có phương tiện thiện xảo để tùy thuận, đối với diệu chỉ của Như Lai nơi kinh sâu xa kia, phải tùy thuận nơi nghĩa, phân biệt giải nói để thâm giữ họ. Tùy thuận như vậy là vì các chúng sinh kia mà nói: Kinh ấy không phải nói tất cả đều không có gì cả mà chỉ nói tự tánh của ngã là rỗng không, không hề có. Đó gọi là lìa tự tánh.

Tuy ngôn thuyết có sự nương vào ngôn ngữ thì sự chuyển, vì thế nên ngôn thuyết có tự tánh, mà cũng không phải là đệ nhất nghĩa có tự tánh kia, cho nên nói ngôn thuyết lìa tất cả sự. Tự tánh của ngôn thuyết từ xưa đến nay, tất cả đều không thật có, vậy thì sao có sinh có diệt? Vì thế nên nói không sinh không diệt, ví như hư không có vô số các thứ sắc và các sắc nghiệp đều được dung nạp, nên hư không kia làm chỗ nương tựa. Nghĩa là hư không dung nạp đủ các hành, qua lại, đi đứng, cong thẳng, cúi ngửa. Lại như trừ bỏ sắc và sắc nghiệp kia, rồi đó là phần tự tánh vô sắc, gọi là hư không thanh tịnh. Như hư không là xứ sắc cùng sắc nghiệp chuyển, lìa ngôn thuyết sự, thì vô số các loại ngôn thuyết, vọng tưởng hư giả tùy chuyển được thiết lập cũng lại như vậy.

Lại như hư không dung nạp sắc cùng sắc nghiệp, pháp lìa ngôn thuyết, dung nạp vọng tưởng cũng lại như vậy. Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ, trừ tất cả ngôn thuyết đã khởi, các thứ tà hoặc vọng tưởng, các thứ hư giả chuyển biến. Bồ-tát này dùng Thánh trí đệ nhất lìa ngôn thuyết sự, tự tánh của tất cả ngôn thuyết chẳng phải tánh, như hư không thanh tịnh, cũng không phải là hư không lần lượt có tự tánh khác. Vì thế tất cả các pháp ví như hư không, ví như huyễn, không như sự có, cũng chẳng phải tất cả đều không, mà là sự huyễn. Như vậy tất cả pháp không như ngôn thuyết, người ngu chấp có, cũng không phải tất cả đều không có gì, vì đệ nhất nghĩa tự tánh là lìa ngôn thuyết. Phương tiện như vậy nhập phi “hữu” cũng phi “vô”. Thế nên biết như huyễn nên nói như huyễn. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp giới, không lấy, không bỏ, không tăng, không giảm, cũng không có chỗ hủy hoại, đều hiểu rõ như thật, như những gì đã biết, vì người khác hiển bày. Đó gọi là Bồ-tát tùy thuận phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát xác lập phương tiện thiện xảo cần thiết? Nếu có chúng sinh lại theo Bồ-tát cầu xin mười thứ vật dụng để tự sinh sống, thì vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ, các Sa-môn, Bà-la-môn, nói rộng như trên, cho đến thọ giới, nếu có thể làm

được như vậy thì ta sẽ thí cho ông. Như kẻ kia không thể thực hiện thì không thí cho. Đó là: Ruộng, nhà, cửa tiệm, quan tước, cõi nước, tiền tài, sáu loài súc vật (ngựa, bò, dê, gà, chó, lợn), kỹ thuật phương thuốc. Hoặc kết hôn nhân, hoặc ăn uống không ăn uống, chỗ tạo tác đều đồng sự. Bấy giờ, Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ bố thí cho ông các thức ăn uống, cho đến đồng sự.

Lại nữa, nếu có chúng sinh phạm tội mưu nghịch, làm những việc không lợi ích, bị người bắt, trói, cắt, chặt, đánh đập, hủy nhục, quở trách, đuổi khỏi chức vụ, bị người cầm giữ, bấy giờ Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ cứu giúp ông khiến thoát khỏi các khổ nạn.

Lại nữa, hoặc có chúng sinh bị những sự khủng bố do vua quan, giặc cướp, nước, lửa, người và phi nhân tạo nên... bấy giờ, Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ cứu ông khiến thoát khỏi những sự sợ hãi đó.

Hoặc có chúng sinh ham muốn ân ái, tỵ hội, xa lìa sợ hãi, bấy giờ Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ cho đến thọ giới, ta sẽ tạo phương tiện cho ông được nguyện.

Lại nữa, nếu có chúng sinh bị bệnh tật cùng khổ, bấy giờ Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ cho đến thọ giới, ta sẽ giúp ông bệnh khổ được trừ.

Bồ-tát đã xác lập những điều cần thiết như vậy rồi, các chúng sinh kia mau chóng tu tập pháp thiện, xa lìa các ác, thì sẽ đạt được theo chỗ mong muốn. Đó gọi là Bồ-tát cần lập phương tiện thiện xảo.

Nếu Bồ-tát đã xác lập việc cần thiết cho chúng sinh rồi, nhưng các chúng sinh không thuận theo điều yêu cầu, thì như trên đã hứa, Bồ-tát cũng không bố thí cho họ. Vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy nên Bồ-tát không phải là không muốn ban cho. Đối với các nạn sợ hãi và các bệnh khổ, thương nhớ hòa hợp, không thương yêu biệt ly, vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy nên Bồ-tát đều buông bỏ tất cả mà hiện rõ tướng quyết định như vậy, chứ không phải do thật tâm có niệm buông bỏ, quan trọng là dần dần khiến đoạn trừ pháp bất thiện, kiến lập pháp thiện. Hoặc lại có chúng sinh không cần muốn điều gì, cũng không có các nạn, cho đến không bệnh, nhưng cùng với Bồ-tát trước là thân quen, thì tùy chỗ thích hợp khuyên dẫn, khiến tu tập pháp thiện, đó là cúng dường cha mẹ cho đến trì giới. Nếu chúng sinh ấy không theo lời dạy của Bồ-tát, bấy giờ, Bồ-tát mới hiện tướng giận dữ, quở trách. Vì hóa độ người nên

tâm không sân hận, đối với các việc đã làm đều hiện trái khác, vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy, không phải thật sự là chống trái. Hoặc hiện thêm các việc không lợi ích kia là nhằm hóa độ không phải thật tâm của Bồ-tát. Bồ-tát với phương tiện hiện dị tướng này, nhằm khiến cho chúng sinh tu các pháp thiện, đoạn trừ pháp bất thiện. Đó gọi là Bồ-tát hiện dị tướng theo phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát hiện sự bức bách nơi phương tiện thiện xảo? Nếu Bồ-tát làm chủ, làm vua, đối với quyến thuộc của mình nên dạy bảo thế này: Nếu quyến thuộc của ta có người không cúng dường cha mẹ, cho đến phạm giới, ta sẽ dứt bỏ mọi sự cung cấp, hoặc tăng thêm xử phạt, thậm chí là đuổi đi. Bồ-tát lập một người nam luôn làm việc dò xét, các chúng sinh kia do lo sợ nên siêng tu pháp thiện, đoạn trừ pháp bất thiện, các kẻ kia tuy không vui, vì cưỡng ép khiến tu. Đó gọi là Bồ-tát hiện sự bức bách nơi phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát hành báo ân nơi phương tiện thiện xảo? Nếu Bồ-tát trước đối với chúng sinh bố thí các phần ân huệ, hoặc bố thí của cải, hoặc cứu độ các nạn, hoặc cứu giúp những sợ hãi, hợp chỗ nhớ nghĩ, lia chỗ không nhớ nghĩ, cứu chữa các bệnh, khiến được an vui. Chúng sinh biết ân, muốn đền đáp đức ấy, bấy giờ Bồ-tát khiến họ tu thiện, không cần đem các thứ của cải, lợi dưỡng thế gian mà đền đáp. Người báo đáp lớn nhất là phải biết cúng dường cha mẹ, cho đến trì giới. Người cầu báo ân khiến kẻ thọ ân làm thiện. Đó gọi là Bồ-tát hành báo ân nơi phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh nơi phương tiện thiện xảo? Bồ-tát trụ nơi địa Cửu cánh, hành đạo Bồ-tát thanh tịnh, sinh nơi cõi trời Đâu suất. Chúng sinh nghĩ: Bồ-tát tên là... sinh lên cõi trời Đâu suất, không lâu sẽ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, sẽ thành bậc Như Lai Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khiến ta yêu thích, chớ khiến không vui thích sinh ở xứ kia, ta cũng theo đấy mà sinh. Vô lượng chúng sinh vui thích tu nguyện này.

Lại nữa, Bồ-tát từ cõi trời Đâu Suất sinh trong thế gian, hoặc sinh nơi cung vua, hoặc sinh vào nhà Bà-la-môn, xả bỏ những hoan lạc thượng diệu, xuất gia học đạo, khiến các chúng sinh lia bỏ kiêu mạn.

Lại ở nơi cội cây, sáu năm khổ hạnh, khiến những chúng sinh khác tin khổ hạnh, đoạn trừ tín lạc.

Lại nữa, đã thành Bồ-đề vô thượng, khiến các chúng sinh khác tin lạc vững bền, cùng cầu Phật đạo. Lại thành Phật rồi, im lặng đợi thỉnh, vì khiến cho chúng sinh kính trọng giáo pháp. Phạm thiên khuyến thỉnh

sau đó mới giảng nói. Lại dùng Phật nhãn quán sát thế gian, chớ để chúng sinh khởi lời phỉ báng, chỉ là do lực khuyến thỉnh của Phạm thiên, chứ không phải Như Lai do đại bi nên thuyết pháp. Vì trừ chúng sinh thâm nhận điều tà, nên chuyển bánh xe chánh pháp, còn các thế gian khác chưa từng chuyển và chế giới luật. Đó gọi là Bồ-tát hành thanh tịnh nơi phương tiện thiện xảo.

Như vậy, phương tiện thiện xảo là trọn vẹn không gì hơn. Đấy gọi là sáu thứ phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, nói rộng nói lược. Chúng sinh hủy hoại pháp, thì trừ sự bạo hại kia, người ở giữa khiến vào pháp Phật, người vào rồi khiến cho thành thực, người thành thực rồi khiến được giải thoát, là rốt ráo, vô thượng. Đấy gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát hành trì Đà-la-ni? Lược nói có bốn thứ: Một là Pháp Đà-la-ni. Hai là Nghĩa Đà-la-ni. Ba là Chú thuật Đà-la-ni. Bốn là đắc Bồ-tát Nhãn Đà là ni.

Thế nào là Pháp Đà-la-ni? Đó là Bồ-tát đạt được lực trí tuệ nhớ nghĩ, đối với pháp chưa từng nghe, chưa từng tu tập về danh, cú, vị, thân, thì theo thứ lớp trang nghiêm, lần lượt thích ứng, vô lượng chương cú, trải qua vô lượng kiếp nhớ giữ không quên.

Thế nào là Nghĩa Đà-la-ni? Như trước đã nói, nơi các pháp này có vô lượng nghĩa lý sâu xa, chưa từng đọc tụng, chưa từng tu tập, trải qua vô lượng kiếp nhớ giữ không quên.

Thế nào là Chú thuật Đà-la-ni? Đó là Bồ-tát đạt được sức Tam-muội như thế, dùng chương cú của chú thuật để đoạn trừ khổ hoạn cho chúng sinh, thân nghiệm bậc nhất, các thứ tai họa đều khiến tiêu diệt.

Thế nào là đắc Bồ-tát Nhãn Đà-la-ni? Bồ-tát tinh cần tu tập, do đó sinh khởi trí tuệ, một mình ở chỗ tịch tĩnh, yên lặng ít nói, cũng không du hành, biết lượng mà ăn, không ăn quá nhiều thứ, thường ăn một bữa, tự duy thiền định, ngủ nghỉ ít, tỉnh giác nhiều, đối với điều Như Lai dạy, đắc chú thuật nhãn của Bồ-tát. Đó là: y trí, mật trí, cát chỉ tử, sẵn đề bà đại tập ba ha.

Đối với các nghĩa của chương cú chú thuật này, đều suy lường quán sát. Chương cú chú thuật như vậy, chánh tư duy như vậy, như nghĩa đó hãy còn không tự nghe, sao có sở đắc. Như chương cú chú thuật, nghĩa không thể thủ đắc, thế thì không có nghĩa. Các nghĩa như vậy gọi là vô nghĩa, thế nên cũng không có nghĩa khác để có thể cầu. Như vậy, gọi là khéo hiểu về câu nghĩa của chú thuật.

Người khéo hiểu câu nghĩa của chú thuật, lấy nghĩa như vậy đem

so sánh, biết được nghĩa của tất cả các pháp, thấy đều do khéo nhận biết, không phải được nghe từ người khác. Lại biết tất cả ngôn thuyết nghĩa tự tánh của tất cả các pháp là không thể thủ đắc. Dùng những vô ngôn ấy để nói về nghĩa của tự tánh, tức biết nghĩa tự tánh của tất cả các pháp. Đó gọi là nghĩa đệ nhất, là nghĩa tối thắng, được hoan hỷ tối thượng. Bồ-tát này đắc Đà-la-ni chú thuật xứ, gọi là đắc nhãn của Bồ-tát. Người đắc nhãn này, không lâu sẽ được tâm tịnh tăng thượng, nhãn nơi địa giải hành, đó gọi là Bồ-tát đắc Nhãn Đà-la-ni của Bồ-tát. Với Pháp Đà-la-ni, Nghĩa Đà-la-ni kia, Bồ-tát này đã vượt qua A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất được nhập địa tâm tịnh, chỗ đạt được chắc chắn bất động, tối thắng tối diệu. Nếu ở khoảng giữa đạt được, hoặc nhân nơi nguyện lực, hoặc lực thiên định, thì bất trụ, bất định, cũng không thắng diệu. Như Pháp, Nghĩa Đà-la-ni, Chú thuật Đà-la-ni cũng như vậy. Đắc Bồ-tát Nhãn Đà-la-ni, như trước đã nói. Như vậy tất cả Đà-la-ni phải đầy đủ bốn công đức mới có thể đạt được, chẳng phải là không đầy đủ. Những gì là bốn? Một là không hành tập ái dục. Hai là không ganh ghét chỗ hơn của kẻ khác. Ba là với tất cả chỗ cầu đạt đều bình đẳng bố thí không hối. Bốn là ưa thích pháp, ưa thích tặng Bồ-tát và tặng Ma-đặc-lặc-già sâu xa.

Thế nào là Bồ-tát nguyện? Lược nói có năm thứ: Một là phát tâm nguyện. Hai là sinh nguyện. Ba là cảnh giới nguyện. Bốn là bình đẳng nguyện. Năm là đại nguyện.

Bồ-tát kia bắt đầu phát tâm Bồ-đề vô thượng, đấy gọi là phát tâm nguyện. Nguyện nơi đời vị lai vì chúng sinh nên theo đường thiện mà sinh, đấy gọi là sinh nguyện. Nguyện chánh quán các pháp, vô lượng các thiện căn, tư duy các cảnh giới, đó gọi là cảnh giới nguyện. Nguyện nơi đời vị lai khéo thấu tóm sự việc của hết thấy Bồ-tát. Đấy gọi là bình đẳng nguyện của Bồ-tát. Đại nguyện tức là bình đẳng nguyện.

Lại nói mười thứ đại nguyện: Một là nguyện đem tất cả thứ cúng dường vô lượng chư Phật. Hai là nguyện hộ trì chánh pháp của tất cả chư Phật. Ba là nguyện thông đạt chánh pháp của tất cả chư Phật. Bốn là nguyện sinh cõi trời Đâu suất cho đến bát Niết-bàn. Năm là nguyện làm tất cả loại hành chân chính của Bồ-tát. Sáu là nguyện thành thực tất cả chúng sinh. Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có thể hiện hóa. Tám là nguyện tất cả Bồ-tát, một lòng tạo phước thiện đem Đại thừa hóa độ. Chín là nguyện tất cả chánh phước thiện đều không ngại. Mười là nguyện thành Chánh giác Vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát hành Tam-muội Không? Bồ-tát lìa tự tánh của

tất cả ngôn thuyết, quán tự tánh là vô ngôn thuyết mà trụ tâm, đấy gọi là Tam-muội Không.

Thế nào là Bồ-tát hành Tam-muội Vô nguyện? Bồ-tát đối với sự nơi tự tánh vô ngôn thuyết, những phiền não do tà kiến vọng tưởng đã khởi những lỗi lầm của thường kiến khổ kia, nên ở đời vị lai không nguyện trụ tâm, đấy gọi là Tam-muội Vô nguyện.

Thế nào là Bồ-tát hành Tam-muội Vô tướng? Bồ-tát đối với sự nơi tự tánh vô ngôn thuyết là tất cả vọng tưởng, diệt trừ tướng hư giả, quán sát đúng như thật, tâm trụ vắng lặng, đó gọi là Tam-muội Vô tướng.

Vì lý do gì nói ba Tam-muội không tăng không giảm? Có hai thứ: Hữu và vô hữu. Hữu vi, vô vi gọi là hữu. Vô ngã, vô ngã sở gọi là vô hữu. Đối với hữu vi có không nguyện không tùy, nên lập Tam-muội Vô nguyện. Ở Niết-bàn vô vi, nguyện vui thích thâm nhận, nên lập Tam-muội Vô tướng. Đối với các việc này chẳng phải là nguyện, chẳng phải là không nguyện, nhưng ở hữu, bất hữu, kiến cho là kiến, nên lập Tam-muội Không. Bồ-tát tu ba Tam-muội này, biết như thật về sự kiến lập như vậy, hoặc có hành khác, đều nhập ba môn Tam-muội, đó là chỗ tu học, hành trì của Thanh văn.

Có bốn pháp Ưu-đàn-na (Tự thuyết). Chư Phật, Bồ-tát vì muốn khiến cho chúng sinh thanh tịnh nên giảng nói. Những gì là bốn? Tất cả hành vô thường là pháp Ưu-đàn-na. Tất cả hành khổ là pháp Ưu-đàn-na. Tất cả pháp vô ngã là pháp Ưu-đàn-na. Niết-bàn tịch diệt là pháp Ưu-đàn-na. Chư Phật, Bồ-tát đầy đủ bốn pháp này, lại đem pháp ấy truyền trao cho chúng sinh, đó gọi là Ưu-đàn-na. Quá khứ vắng lặng tịch mặc, các Đấng Mâu-ni lần lượt truyền nhau, đó gọi là Ưu-đàn-na. Dừng xuất tăng thượng cho đến phát xuất đầy đủ đệ nhất hữu, đấy gọi là Ưu-đàn-na.

Thế nào là Bồ-tát quán tất cả hành vô thường? Bồ-tát quán tự tánh ngôn thuyết của tất cả hành là thường không thể thủ đắc. Hoặc lại không biết về sự đích thật là vô ngôn thuyết, cho nên có sinh có diệt. Hoặc Bồ-tát quán tự tánh vô ngôn thuyết nơi hết thủy hành là vô thường. Quán hành quá khứ không sinh không diệt, hành ấy cũng không nhân, cũng không tự tánh có thể thủ đắc, thế nên cũng không nhân, cũng không tự tánh. Quán hành hiện tại không sinh không diệt, nhân kia không thủ đắc mà cho quả, nên tự tánh có thể thủ đắc, do đấy quán tự tánh mà không nhân. Quán hành vị lai không sinh không diệt, nhân kia có thể thủ đắc nhưng không cho quả, nên không có tự tánh, vì thế quán nhân mà không tự tánh. Như vậy thấy phần đoạn của ba đời lúc

các hành tướng tục chuyển, mỗi mỗi sát na của hành có ba hữu vi, là tướng hữu vi, nơi sau sát na có bốn tướng hữu vi. Tự tánh của các hành tướng trước kia hoại, tự tánh của hành tướng chưa từng có dấy khởi, gọi là sinh. Khởi rồi chưa hoại gọi là trụ. Suy niệm lại tự tánh của hành tướng diệt ở trước, thì chúng đã khởi tướng dị, dị gọi là lão, vì thế sau sát na sinh, tức tướng sinh kia khởi, tự tánh của hành tướng hoại gọi là diệt. Nếu quán hành tướng của tự tánh khởi thì tức tự tánh kia sinh tướng trụ, lão không có tự tánh khác, thế nên sau sát na, hành tướng như vậy là tự tánh diệt. Như thế, là quán đúng như thật về các hành tướng như sinh v.v..., Bốn tướng hữu vi này lược nói có hai thứ: hữu tánh và vô tánh. Như Lai do khởi nên lập tướng hữu vi thứ nhất, do tự tánh nên lập tướng hữu vi thứ hai, do các hành trụ, lão nên lập tướng hữu vi thứ ba. Bồ-tát kia quán hành hữu vi sai biệt, chẳng sinh, chẳng trụ, chẳng lão, chẳng hoại, tất cả thời riêng có sự khởi. Vì sao? Vì các hành sai biệt khi khởi, lại không riêng sinh, riêng trụ, riêng lão, riêng hoại. Khi các hành sai biệt trụ, lão, hoại, cũng không riêng sinh, riêng trụ, riêng lão, riêng hoại. Bồ-tát quán sát đúng như thật, nghĩa là không có các việc riêng sinh v.v... có thể thủ đắc. Nếu có thể thủ đắc thì lìa các hành như sắc v.v... nên riêng có sinh. Các hành như sắc v.v... tự tánh khởi, thì sắc đó cũng nên khởi. Nếu đúng vậy thì phải có hai sinh là hành sinh và sinh sinh. Nếu có hành sinh và sinh sinh, thì hoặc một hoặc khác. Nếu là một mà cho là riêng có sinh thì không kia là vô nghĩa. Còn nếu riêng có sinh, thì việc này không đúng. Nếu là khác, thì hành sinh kia không phải là cùng sinh mà thành. Hành sinh cùng sinh mà thành thì việc này không đúng. Như sinh, trụ, lão cũng vậy. Nếu tự tánh của pháp có hoại thì việc kia nên sinh diệt. Nếu khi hoại sinh, thì tất cả hành lẽ ra liền diệt, như nhập chánh thọ diệt tận, dùng thiếu phương tiện nên tâm, tâm số pháp diệt. Hoặc khi hoại diệt, thì tất cả hành kia nên sinh, nhưng do hoại nên không có. Nói hoại có sinh diệt, thì việc này không đúng. Thiện nam, thiện nữ kia, tất cả thời thường có tự tánh, nghĩa là không nên có chán lìa, vì muốn giải thoát dị nên như vậy. Do việc này, Bồ-tát đối với tất cả hành vô thường, phải biết như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả các hành vô thường khi tương tục chuyển, quán ba tướng khổ: hành khổ, biến dịch khổ và khổ khổ. Như vậy Bồ-tát đối với tất cả hành khổ đều nhận biết như thật.

Lại nữa, Bồ-tát biết như thật các pháp hữu vi, vô vi, vô ngã, vô ngã sở, chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã. Chúng sinh vô ngã nghĩa là pháp “có” chẳng phải là chúng sinh, xa lìa pháp “có” cũng chẳng phải



là chúng sinh. Pháp vô ngã nghĩa là tất cả sự ngôn thuyết cũng không có pháp của tự tánh ngôn thuyết. Như vậy Bồ-tát đối với tất cả pháp vô ngã đều nhận biết như thật.

Lại nữa, tất cả nhân của hành khởi đã đoạn dứt ráo, các diệt rốt ráo khác gọi là bát Niết-bàn, phiền não tịch diệt, các khổ dứt hẳn, Bồ-tát chưa nhập địa tâm tịnh, Thanh văn chưa thấy đế, đối với Niết-bàn tác tưởng ý giải, nói là Niết-bàn tịch diệt, phải biết như vậy là không có được tri kiến của Niết-bàn chân thật, chỉ có chánh tư duy. Ví như quốc vương, trưởng giả giàu có vô lượng, vì các con nên tạo ra những dụng cụ vui chơi, như xe nai, xe bò, xe ngựa, xe voi... các người con kia hoan hỷ yêu thích, tạo ra những tưởng chân thật về các đồ chơi như xe nai, bò, ngựa, voi. Khi người cha biết con mình đã dần khôn lớn, thì vì họ nói thật về nai, bò, ngựa, voi. Các người con cho là cha đã khen ngợi về voi ngựa. Một thời gian sau, biết con mình chuyển lớn, sắp ra khỏi nhà, người cha chỉ voi ngựa thật, các con thấy thật rồi tức biết là cha nói đúng, biết chắc cha mình thường khen nói, không phải như chúng trước đã vui nghĩ, sự vui đùa ngày trước không phải là voi ngựa thật. Như vậy, các hành được xem là nhà giàu, Bồ-tát chưa trụ địa tâm tịnh, Thanh văn chưa thấy đế như các đồng tử kia. Chư Phật, Như Lai và Bồ-tát nhập đại địa thấy rõ Niết-bàn, vì Bồ-tát và các Thanh văn kia tán thán nói về Niết-bàn. Chư vị đã nghe rồi, tùy vào chỗ nói mà ý hiểu. Nếu các vị kia dần dần học phẩm đạo đầy đủ, nhập địa tâm tịnh và Thanh văn kiến đế, thì họ đối với Niết-bàn sinh tri kiến hiện có. Như vậy, chư Phật, Bồ-tát đã khen ngợi Niết-bàn, không như ý tưởng nơi trí tuệ ngu si của chúng ta đã hiểu. Chỗ tưởng của chúng ta là tương tự chẳng phải thật, đối với chỗ hiểu biết của các Ngài sinh tâm hổ thẹn, nương vào tri kiến sau. Ví như người bệnh gặp được thầy thuốc giỏi vì để trị bệnh nên nói về thuốc theo bệnh. Các người bệnh kia nếu đã quen thuốc này liền khởi tin hiểu, ưa thích thuốc ấy, do đó lành bệnh. Nếu lại khởi bệnh khác, nên uống thứ thuốc khác, thầy thuốc dạy họ nên bỏ thuốc trước để uống thuốc này, các người bệnh kia do quá tin thuốc trước nên không chịu xả bỏ, thầy thuốc phải tìm mọi cách khiến họ uống loại thuốc sau. Như vậy, Bồ-tát trụ nơi địa tâm tịnh, Thanh văn thấy đế có các bệnh phiền não, chư Phật, Như Lai, Bồ-tát trụ đại địa, vì họ thuyết pháp: thượng pháp, thượng thượng pháp, thâm pháp, thượng thâm pháp, thượng thượng thâm pháp, thắng pháp, thượng thắng pháp, thượng thượng thắng pháp, chỉ dạy trao truyền khuyên răn. Bồ-tát nhập địa tâm tịnh, Thanh văn thấy đế, nghe lời Phật dạy, tin thọ không nghi, nương vào lời Như Lai

dạy pháp thừa đầy đủ, khéo có thể điều phục chế ngự du hóa nơi đạo, bình đẳng nhanh chóng chánh hướng Niết-bàn Vô dư.

-----